

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA A
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2020

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA A - CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Kim Chi

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bế Kim Phong

2. Bà Nguyễn Thị Diệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tân là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa A: Bà Nông Thị Huệ – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, Tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị **T**, sinh năm: 1985, có mặt.

Địa chỉ: Xóm Nà Th, xã Trương L, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Triệu Hoàng **H**, sinh năm: 1981, vắng mặt có lý do

Địa chỉ: Xóm Bản G, xã Trương L, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 3 năm 2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị **T** trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Triệu Hoàng **H** tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đi đăng ký kết hôn, trước khi cưới không được tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở họ hàng hai bên giới thiệu. Quá trình chung sống, sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung. Trong quá trình mâu thuẫn, không xảy ra xô sát, không gây thương tích gì. Quá trình mâu thuẫn chưa được chính quyền địa phương và hai bên gia đình hòa giải. Nay tôi xác định mâu thuẫn giữa

hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Chị và anh **H** có 01 con chung họ tên là: Triệu Phương Th, sinh ngày 01/01/2012, hiện con đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà cấp bốn, xây năm 2015, thỏa thuận sẽ giao cho chồng Triệu Hoàng **H** quản lý và sử dụng, anh **H** có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà, số tiền là 25.000.000đ cho chị **T**.

Về vay, nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2020, bị đơn anh Triệu Hoàng **H** trình bày:*

Chúng tôi kết hôn năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, nhưng trong cuộc sống có nhiều bất đồng và sống không hạnh phúc. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị **T**.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung họ tên là: Triệu Phương Thảo, sinh ngày 01/01/2012, hiện con đang sống cùng chị **T**. Khi ly hôn tôn trọng nguyện vọng của con là được ở cùng Mẹ, tôi không cấp dưỡng nuôi con do chị **T** không yêu cầu.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà cấp bốn, xây năm 2015, thỏa thuận tôi sẽ quản lý và sử dụng ngôi nhà trên và chị **T** sẽ được thanh toán 25.000.000đ tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà.

Về vay, nợ chung: Không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn có đơn xin xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên lời khai tại biên bản lấy lời khai cũng như tại biên bản hòa giải không thành ngày 03/6/2020.

Ý kiến, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa An:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: Thẩm phán, HĐXX, thư ký Tòa án đã tuân theo đúng nội dung các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được HĐXX xem xét, kết quả tranh luận tại phiên tòa;

Căn cứ vào khoản 1 các Điều 28, 35, 39, và các Điều 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14 và các Điều 53, 59 các Điều 81, 82, 83, 107, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân

tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng không công nhận quan hệ vợ chồng của chị Triệu Thị **T** và anh Triệu Hoàng **H**.

Về con chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự tự nguyện của hai bên đương sự về việc giao con cho chị **T** trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung, anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **T** không yêu cầu.

Về tài sản: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của chị **T** và anh **H** là 01 ngôi nhà cấp bốn, xây năm 2015 sẽ giao cho chồng Triệu Hoàng **H** quản lý và sử dụng, anh **H** có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà, số tiền là 25.000.000đ cho chị **T**.

Về vay nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Triệu Thị **T** có quan hệ hôn nhân với anh Triệu Hoàng **H**, địa chỉ: Xóm Bản G, xã Trương L, huyện Hòa A, tỉnh Cao Bằng. Nay chị **T** khởi kiện xin ly hôn với anh **H**, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa An theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị **T** và anh Triệu Hoàng **H** kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân không được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai gia đình nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Hiện chị **T** cùng anh **H** đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị **T** cùng anh **H** không đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân giữa chị **T** cùng anh **H** là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, xét cần phải tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **T** cùng anh **H**.

[3] Về con chung và mức cấp dưỡng: Chị **T** cùng anh **H** thỏa thuận, giao con chung Triệu Phương Thảo, sinh ngày 01/01/2012 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **T** không yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của

con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

Sự thỏa thuận của hai bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được công nhận trong bản án.

[4] Về tài sản chung: Chị **T** và anh **H** thỏa thuận 01 ngôi nhà cấp bốn, xây năm 2015 sẽ giao cho chồng Triệu Hoàng **H** quản lý và sử dụng, anh **H** có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà, số tiền là 25.000.000đ cho chị **T**. Sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần được công nhận.

[5] Về vay, nợ chung: Chị **T**, anh **H** xác định không có vay, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Tại phiên Tòa nguyên đơn có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét miễn tiền án phí với lý do gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, sống ở vùng kinh tế khó khăn. Căn cứ vào giấy chứng nhận hộ cận nghèo, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, HĐXX xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Triệu Thị **T** là có căn cứ và cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 các Điều 28, 35, 39; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 16, các Điều 81, 82, 83, 107, 110 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Triệu Thị **T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị **T** và anh Triệu Hoàng **H**.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị **T** và anh **H** là giao con chung Triệu Phương Th, sinh ngày 01/01/2012 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **T** không yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị **T** và anh **H** là 01 ngôi nhà cấp bốn, xây năm 2015 sẽ giao cho chồng Triệu Hoàng **H** quản lý và sử dụng,

anh **H** có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà, số tiền là 25.000.000đ cho chị **T** (Bị đơn đã thanh toán xong, biên bản giao nhận tiền ngày 26/6/2020).

- Về án phí: Nguyên đơn chị Triệu Thị **T** được miễn 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, và 625.000đ tiền án phí dân sự có giá ngạch. chị **T** được hoàn lại số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0001432 ngày 18/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/6/2020, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoà A;
- CCTHADS Hoà A;
- UBND xã Trương L;
- TAND tỉnh;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng kim Chi

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoà An;
- CCTHADS Hoà An;
- UBND xã ;
- TAND tỉnh;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng kim Chi

